



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ NHIÊN LIỆU  
HÀNG KHÔNG NỘI BÀI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2016**

---

*Tháng 2 năm 2017*

# MỤC LỤC

## NỘI DUNG

## TRANG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 27

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhiên liệu Hàng không Nội Bài (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

## **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2016 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

### **Hội đồng Quản trị:**

Ông Nguyễn Lê Đông	Chủ tịch
Bà Huỳnh Thị Diệu	Thành viên
Ông Phạm Huy Thông	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Luận	Thành viên
Ông Nghiêm Mạnh Tuấn	Thành viên

### **Ban Giám đốc:**

Ông Nghiêm Mạnh Tuấn	Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Phương	Phó Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty trong năm 2016 và đến ngày lập Báo cáo này là Ông Nguyễn Công Thành.

## **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có bất cứ sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty.

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA.

## **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc, *Ch*



**Nghiêm Mạnh Tuấn**

**Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2017*

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhiên liệu Hàng không Nội Bài

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhiên liệu Hàng không Nội Bài (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 06/02/2017, từ trang 06 đến trang 27 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhiên liệu Hàng không Nội Bài tại ngày 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Nguyễn Tự Trung**  
**Tổng Giám đốc**

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 1226-2014-112-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY ACA**

*Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2017*

**Hoàng Lê Thúy Hằng**  
**Kiểm toán viên**

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 3059-2015-112-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31/12/2016

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>74.359.699.104</b>	<b>71.999.318.670</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	1.096.090.092	1.003.538.965
Tiền	111		1.096.090.092	1.003.538.965
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	60.000.000.000	58.500.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		60.000.000.000	58.500.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		8.754.619.595	7.747.876.918
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	7.012.308.849	6.127.241.205
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	119.133.300
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	1.742.310.746	1.501.502.413
Hàng tồn kho	140	8	1.290.392.496	205.020.271
Hàng tồn kho	141		1.290.392.496	205.020.271
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.218.596.921	4.542.882.516
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	3.104.892.255	2.729.106.542
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	1.813.775.974
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	113.704.666	-
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>65.456.198.188</b>	<b>50.168.477.129</b>
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		56.399.600.737	42.830.031.113
Tài sản cố định hữu hình	221	10	56.355.055.281	42.772.758.385
- Nguyên giá	222		68.077.098.052	47.622.770.732
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.722.042.771)	(4.850.012.347)
Tài sản cố định vô hình	227	11	44.545.456	57.272.728
- Nguyên giá	228		70.000.000	70.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(25.454.544)	(12.727.272)
Tài sản dở dang dài hạn	240	12	-	287.797.074
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	287.797.074
Tài sản dài hạn khác	260		9.056.597.451	7.050.648.942
Chi phí trả trước dài hạn	261	9	131.573.326	6.050.180
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	2.600.000.000	719.574.637
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		6.325.024.125	6.325.024.125
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>139.815.897.292</b>	<b>122.167.795.799</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

Tại ngày 31/12/2016

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>29.497.751.112</b>	<b>18.395.405.088</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>29.497.751.112</b>	<b>18.395.405.088</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	192.352.141	478.548.196
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	2.783.454.125	1.619.908.309
Phải trả người lao động	314		6.063.422.069	5.493.338.688
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	119.997.109	214.914.278
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	7.178.394.861	6.990.822.433
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	18	13.000.000.000	3.597.873.184
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		160.130.807	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>110.318.146.180</b>	<b>103.772.390.711</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>110.318.146.180</b>	<b>103.772.390.711</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.318.146.180	3.772.390.711
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		83.254.904	3.772.390.711
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		10.234.891.276	-
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>139.815.897.292</b>	<b>122.167.795.799</b>



**Nghiêm Mạnh Tuấn**  
**Giám đốc**

Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2017

**Nguyễn Công Thành**  
**Kế toán trưởng**

**Đào Thị Xuân**  
**Người lập**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>20</b>	<b>64.243.475.400</b>	<b>44.392.135.995</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>64.243.475.400</b>	<b>44.392.135.995</b>
Giá vốn hàng bán	11	21	47.962.595.093	35.781.692.374
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>16.280.880.307</b>	<b>8.610.443.621</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	3.265.148.825	3.958.765.745
Chi phí tài chính	22		-	120.000
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	6.937.553.903	6.296.981.547
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>12.608.475.229</b>	<b>6.272.107.819</b>
Thu nhập khác	31	24	277.838.886	471.943.562
Chi phí khác	32		12.770.416	-
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>265.068.470</b>	<b>471.943.562</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>12.873.543.699</b>	<b>6.744.051.381</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	4.519.077.786	1.926.604.662
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	26	(1.880.425.363)	(719.574.637)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>10.234.891.276</b>	<b>5.537.021.356</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>28</b>	<b>1.023</b>	<b>554</b>



**Nghiêm Mạnh Tuấn**  
**Giám đốc**

Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2017

**Nguyễn Công Thành**  
**Kế toán trưởng**

**Đào Thị Xuân**  
**Người lập**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2016	Năm 2015
		VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01	12.873.543.699	6.744.051.381
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	6.884.757.696	4.828.079.494
Các khoản dự phòng	03	9.402.126.816	-
Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
(Lãi) hoạt động đầu tư	05	(3.265.148.825)	(3.958.765.745)
Chi phí lãi vay	06	-	-
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>25.895.279.386</b>	<b>7.613.365.130</b>
Giảm các khoản phải thu	09	934.136.964	(382.044.816)
Tăng hàng tồn kho	10	(1.085.372.225)	(6.448.044.396)
Tăng/ Giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	492.980.876	2.704.545.697
Tăng chi phí trả trước	12	(501.308.859)	(1.271.107.064)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.471.970.261)	(340.000.000)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(529.005.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>21.734.740.881</b>	<b>1.876.714.551</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(20.166.530.246)	(36.082.271.442)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(117.111.833.333)	(68.500.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	115.611.833.333	55.000.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.024.340.492	3.089.765.745
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(18.642.189.754)</b>	<b>(46.492.505.697)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.000.000.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(3.000.000.000)</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>92.551.127</b>	<b>(44.615.791.146)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>1.003.538.965</b>	<b>45.619.330.111</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>1.096.090.092</b>	<b>1.003.538.965</b>



**Nghiêm Mạnh Tuấn**  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2017

**Nguyễn Công Thành**  
Kế toán trưởng

**Đào Thị Xuân**  
Người lập

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

### 1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhiên liệu Hàng không Nội Bài (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0106542965 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nội cấp ngày 16/05/2014, thay đổi lần một ngày 04/12/2015.

Vốn điều lệ trên Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp là 100.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng chẵn).

Tên giao dịch Quốc tế: NOI BAI AVIATION FUEL SERVICE JONT STOCK COMPANY.  
Tên viết tắt: NAFSC.,JSC

Trụ sở chính: Cảng Hàng không quốc tế Nội Bài, Xã Phú Minh, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

### 1.2 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2016 theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không:
  - + Dịch vụ khai thác nhà ga, kho hàng hóa;
  - + Dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất;
  - + Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng trang thiết bị hàng không;
  - + Dịch vụ kỹ thuật hàng không;
  - + Dịch vụ cung cấp xăng dầu hàng không;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Bán buôn Nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác:
  - + Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp;
  - + Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu;
  - + Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Giáo dục nghề nghiệp:
  - + Dạy nghề
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu:
  - + Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa

(Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật).

## **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

### **2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

### **2.2 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

## **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

### **3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **3.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản có tính thanh khoản cao là các khoản có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc chuyển đổi giá trị của các khoản này.

### **3.3 CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá gốc trừ dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

#### 3.4 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

#### 3.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá tương ứng, không điều chỉnh lại chi phí khấu hao đã trích mà chỉ điều chỉnh mức khấu hao tương ứng với thời gian sử dụng còn lại của tài sản cố định.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho tài sản cố định hữu hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính và phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian sử dụng (năm)
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
- Máy móc, thiết bị	05 - 10
- Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 10
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 08
- Tài sản cố định khác	05 - 10

#### 3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian sử dụng (năm)
- Phần mềm máy tính	03 - 08

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.7 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỜ DANG**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**3.8 GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ**

Doanh thu của Công ty là doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

**3.9 THUẾ**

Thuế GTGT đầu vào được hạch toán theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất thuế GTGT đầu ra là 10%.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực được áp dụng là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kê toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

#### 3.9 THUẾ (TIẾP)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### 3.10 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

#### 3.11 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

##### Ghi nhận ban đầu

##### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản đầu tư, phải thu khách hàng, phải thu khác.

##### *Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

##### Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>31/12/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	2.448.194	27.755.671
Tiền gửi ngân hàng	1.093.641.898	975.783.294
	<b>1.096.090.092</b>	<b>1.003.538.965</b>

**5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	<b>31/12/2016</b>		<b>01/01/2016</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị ghi sổ</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị ghi sổ</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	60.000.000.000	60.000.000.000	58.500.000.000	58.500.000.000
Ngắn hạn	60.000.000.000	60.000.000.000	58.500.000.000	58.500.000.000
+ Tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng và dưới 01 năm	60.000.000.000	60.000.000.000	58.500.000.000	58.500.000.000

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	<b>31/12/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>7.012.308.849</b>	<b>6.127.241.205</b>
- Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam - CTCP	6.803.975.640	5.682.943.860
- Công ty TNHH MTV Nhiên liệu Hàng không Việt Nam	208.333.209	444.297.345
<b>Cộng</b>	<b>7.012.308.849</b>	<b>6.127.241.205</b>
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>7.012.308.849</b>	<b>6.127.241.205</b>
- Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam - CTCP	6.803.975.640	5.682.943.860
- Công ty TNHH MTV Nhiên liệu Hàng không Việt Nam	208.333.209	444.297.345

**7. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.742.310.746</b>	<b>-</b>	<b>1.501.502.413</b>	<b>-</b>
- Lãi tiền gửi ngân hàng dự thu	1.109.808.333	-	869.000.000	-
- Phải thu khác	632.502.413	-	632.502.413	-
	<b>1.742.310.746</b>	<b>-</b>	<b>1.501.502.413</b>	<b>-</b>

**8. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.275.574.996	-	195.692.771	-
Công cụ, dụng cụ	14.817.500	-	9.327.500	-
<b>Cộng</b>	<b>1.290.392.496</b>	<b>-</b>	<b>205.020.271</b>	<b>-</b>

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>3.104.892.255</b>	<b>2.729.106.542</b>
- Chi phí bảo hiểm tra nạp, bảo hiểm xe	3.104.892.255	2.729.106.542
<b>Dài hạn</b>	<b>131.573.326</b>	<b>6.050.180</b>
- Chi phí đào tạo	127.272.727	-
- Chi phí trả trước dài hạn khác	4.300.599	6.050.180
	<b>3.236.465.581</b>	<b>2.735.156.722</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
01/01/2016	836.196.608	-	46.621.174.123	165.400.001
- Mua trong năm	-	4.492.367.619	14.785.721.817	144.180.909
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	1.032.056.975	-	-	-
31/12/2016	<b>1.868.253.583</b>	<b>4.492.367.619</b>	<b>61.406.895.940</b>	<b>309.580.910</b>
				<b>68.077.090</b>
				<b>47.622.777</b>
				<b>19.422.277</b>
				<b>1.032.056</b>
				<b>68.077.090</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
01/01/2016	25.095.320	-	4.761.259.166	63.657.861
- Khấu hao trong năm	170.051.041	151.059.921	6.508.933.348	41.986.114
31/12/2016	<b>195.146.361</b>	<b>151.059.921</b>	<b>11.270.192.514</b>	<b>105.643.975</b>
				<b>11.722.040</b>
				<b>42.772.757</b>
				<b>56.355.050</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
01/01/2016	811.101.288	-	41.859.914.957	101.742.140
31/12/2016	<b>1.673.107.222</b>	<b>4.341.307.698</b>	<b>50.136.703.426</b>	<b>203.936.935</b>

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phân mềm máy vi tính <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
01/01/2016	70.000.000	70.000.000
- Mua trong năm	-	-
31/12/2016	<u>70.000.000</u>	<u>70.000.000</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>		
01/01/2016	12.727.272	12.727.272
- Khấu hao trong năm	12.727.272	12.727.272
31/12/2016	<u>25.454.544</u>	<u>25.454.544</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
01/01/2016	<u>57.272.728</u>	<u>57.272.728</u>
31/12/2016	<u>44.545.456</u>	<u>44.545.456</u>

**12. TÀI SẢN DỄ DANG DÀI HẠN**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	-	-	287.797.074	287.797.074
- Xây dựng cơ bản	-	-	287.797.074	287.797.074
- Công trình Đầu tư phòng thí nghiệm	-	-	287.797.074	287.797.074
	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>287.797.074</u>	<u>287.797.074</u>

**13. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI**

	31/12/2016 <u>VND</u>	01/01/2016 <u>VND</u>
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế TNDN hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	2.600.000.000	719.574.637
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<u>2.600.000.000</u>	<u>719.574.637</u>

#### 14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>192.352.141</b>	<b>192.352.141</b>	<b>478.548.196</b>	<b>478.548.196</b>
- CN Công ty TNHH MTV Nhiên liệu hàng không Việt Nam khu vực Miền Bắc	49.410.000	49.410.000	54.900.000	54.900.000
- Công ty cổ phần kiến trúc và xây dựng AVITYCO	49.619.128	49.619.128	-	-
- Công ty cổ phần xây dựng và phát triển thương mại Quang Vinh	31.217.678	31.217.678	31.217.678	31.217.678
- Công ty TNHH Tư vấn thuế, kế toán và kiểm toán AVINA-IAFC	49.500.000	49.500.000	-	-
- Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Quốc Khánh	-	-	389.803.043	389.803.043
- Phải trả các đối tượng khác	12.605.335	12.605.335	2.627.475	2.627.475
<b>Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>192.352.141</b>	<b>192.352.141</b>	<b>478.548.196</b>	<b>478.548.196</b>
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>52.115.335</b>	<b>52.115.335</b>	<b>57.527.475</b>	<b>57.527.475</b>
- CN Công ty TNHH MTV Nhiên liệu hàng không Việt Nam khu vực Miền Bắc	49.410.000	49.410.000	54.900.000	54.900.000
- Cảng Hàng không quốc tế Nội Bài - Chi nhánh Tổng công ty Cảng Hàng không Việt Nam	2.705.335	2.705.335	2.627.475	2.627.475

#### 15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2016
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải nộp</b>	<b>1.619.908.309</b>	<b>6.431.149.796</b>	<b>5.267.603.980</b>	<b>2.783.454.125</b>
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	1.233.641.662	1.083.899.724	149.741.938
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.586.604.662	4.519.077.786	3.471.970.261	2.633.712.187
- Thuế thu nhập cá nhân	33.303.647	543.490.495	576.794.142	-
- Các loại thuế khác	-	15.899.853	15.899.853	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	119.040.000	119.040.000	-
<b>Phải thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>113.704.666</b>	<b>113.704.666</b>
- Thuế thu nhập cá nhân	-	-	113.704.666	113.704.666

## 16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>119.997.109</b>	<b>214.914.278</b>
Trích trước chi phí kiểm toán	50.000.000	50.000.000
Trích trước chi phí điện	67.739.553	64.358.000
Chi phí thông tin liên lạc và đo thử nghiệm	-	100.556.278
Trích trước chi phí nước	2.257.556	-
	<b>119.997.109</b>	<b>214.914.278</b>

## 17. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>7.178.394.861</b>	<b>6.990.822.433</b>
Kinh phí công đoàn	45.688.390	32.073.732
BHXH, BHTN	5.591.100	1.222.163
Phải trả thuế TNCN	169.588.833	-
Chi phí thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	6.957.526.538	6.957.526.538
	<b>7.178.394.861</b>	<b>6.990.822.433</b>

## 18. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>13.000.000.000</b>	<b>3.597.873.184</b>
Dự phòng sửa chữa lớn tài sản (*)	13.000.000.000	3.597.873.184
	<b>13.000.000.000</b>	<b>3.597.873.184</b>

(\*) Khoản trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản hệ thống FHS có tính chất định kỳ, toàn bộ khoản trích trước này đơn vị đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế Thu nhập doanh nghiệp theo quy định.

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**19.1 CHI TIẾT ĐẦU TƯ CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0106542965 ngày 16/05/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng chẵn), chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 31/12/2016 như sau:

Chi tiết các cổ đông góp vốn và số vốn đã góp như sau:

TT	Danh sách cổ đông	Tại ngày 31/12/2016		
		Tổng số vốn đã góp (VND)	Số cổ phần	Tỷ lệ vốn góp (%)
1	Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam - CTCP	60.000.000.000	6.000.000	60%
2	Công ty TNHH MTV Nhiên liệu Hàng không Việt Nam	30.000.000.000	3.000.000	30%
3	Công ty CP Nhiên liệu bay Petrolimex Cộng	10.000.000.000	1.000.000	10%
		<b>100.000.000.000</b>	<b>10.000.000</b>	<b>100%</b>

**19.2 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND
01/01/2015	100.000.000.000	(1.764.630.645)	98.235.369.355
- Lãi trong năm	-	5.537.021.356	5.537.021.356
31/12/2015	<b>100.000.000.000</b>	<b>3.772.390.711</b>	<b>103.772.390.711</b>
01/01/2016	100.000.000.000	3.772.390.711	103.772.390.711
- Lãi trong năm	-	10.234.891.276	10.234.891.276
- Chia cổ tức	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
- Trích lập các quỹ	-	(689.135.807)	(689.135.807)
31/12/2016	<b>100.000.000.000</b>	<b>10.318.146.180</b>	<b>110.318.146.180</b>

**20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu	64.243.475.400	44.392.135.995
+ Doanh thu dịch vụ tra nạp nhiên liệu	64.243.475.400	44.392.135.995
Doanh thu với các bên liên quan	64.243.475.400	44.392.135.995
+ Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	64.243.475.400	44.392.135.995

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn hoạt động tra nạp nhiên liệu	47.962.595.093	35.781.692.374
	<b>47.962.595.093</b>	<b>35.781.692.374</b>

**22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.265.148.825	3.958.765.745
	<b>3.265.148.825</b>	<b>3.958.765.745</b>

**23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.172.479.027	3.755.165.606
Chi phí vật liệu	293.936.101	238.580.394
Chi phí CCDC	135.448.145	336.686.323
Chi phí khấu hao	269.959.836	186.223.968
Chi phí thuế, phí, lệ phí	23.881.257	31.950.064
Chi phí sửa chữa tài sản	40.721.328	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.043.990.134	1.097.855.493
Chi phí bằng tiền khác	957.138.075	650.519.699
	<b>6.937.553.903</b>	<b>6.296.981.547</b>

**24. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thu nhập về vi phạm hợp đồng	66.778.407	-
Thu nhập từ thưởng về quản lý hao hụt	208.333.209	444.297.345
Thu nhập khác	2.727.270	27.646.217
	<b>277.838.886</b>	<b>471.943.562</b>

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.873.543.699	6.744.051.381
Các khoản chi phí không được trừ	9.721.845.232	3.777.873.184
- Thu nhập của hội đồng quản trị không tham gia điều hành trực tiếp	295.000.000	180.000.000
- Khoản dự phòng sửa chữa lớn TSCĐ	10.000.000.000	3.597.873.184
- Chi phí không hợp lệ	24.718.416	-
- Hoàn chi phí trích trước sửa chữa lớn TSCĐ tạm thời chịu thuế	(597.873.184)	-
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	22.595.388.931	10.521.924.565
Thuế suất	20%	22%
Lỗ từ các năm trước chuyển sang	-	(1.764.630.645)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.519.077.786	1.926.604.662

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(2.000.000.000)	(719.574.637)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ hoàn nhập	119.574.637	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(1.880.425.363)	(719.574.637)

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	2.701.778.870	1.425.879.766
Chi phí nhân công	23.300.903.787	17.363.065.840
Khấu hao tài sản cố định	6.884.757.696	4.890.374.950
Thuế, phí và lệ phí	96.081.842	84.442.353
Chi phí sửa chữa tài sản	10.980.000.803	4.370.881.214
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.993.699.211	10.458.574.313
Chi phí bằng tiền khác	3.942.926.787	3.485.455.485
	54.900.148.996	42.078.673.921

## 28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2016	Năm 2015
Lợi nhuận/Lỗ kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.234.891.276	5.537.021.356
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	10.234.891.276	5.537.021.356
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	10.000.000	10.000.000
<b>Lãi/ lỗ cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.023</b>	<b>554</b>

## 29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

### Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các thành viên góp vốn thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm các khoản nợ thuần và phần vốn góp của các thành viên góp vốn của Công ty gồm vốn góp các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

### Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.10.

### Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ 31/12/2016 VND	Giá trị ghi sổ 01/01/2016 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.096.090.092	1.003.538.965
Đầu tư ngắn hạn	60.000.000.000	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	8.754.619.595	7.628.743.618
<b>Tổng cộng</b>	<b>69.850.709.687</b>	<b>8.632.282.583</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	7.149.878.679	7.436.074.734
Chi phí phải trả	119.997.109	214.914.278
<b>Tổng cộng</b>	<b>7.269.875.788</b>	<b>7.650.989.012</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Bộ tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

## 29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

### Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

#### Rủi ro thị trường

Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và cho rằng Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến rủi ro thị trường.

#### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không, do đó, Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

#### Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và dòng tiền của các khoản gốc.

Công nợ tài chính	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
<b>31/12/2016</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	7.149.878.679	-	7.149.878.679
Chi phí phải trả	119.997.109	-	119.997.109
	<b>7.269.875.788</b>	<b>-</b>	<b>7.269.875.788</b>
<b>01/01/2016</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	7.436.074.734	-	7.436.074.734
Chi phí phải trả	214.914.278	-	214.914.278
	<b>7.650.989.012</b>	<b>-</b>	<b>7.650.989.012</b>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

## 29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

### Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp)

Bảng dưới đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính chưa gồm lãi từ các tài sản đó. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tài sản tài chính	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
<b>31/12/2016</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.096.090.092	-	1.096.090.092
Đầu tư ngắn hạn	60.000.000.000	-	60.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	8.754.619.595	-	8.754.619.595
	<b>69.850.709.687</b>	<b>-</b>	<b>69.850.709.687</b>
<b>01/01/2016</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.003.538.965	-	1.003.538.965
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.628.743.618	-	7.628.743.618
	<b>8.632.282.583</b>	<b>-</b>	<b>8.632.282.583</b>

## 30. THÔNG TIN KHÁC

### 30.1 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
<b>Mua hàng</b>	<b>3.259.318.541</b>	<b>3.480.416.799</b>
- Cảng Hàng không quốc tế Nội Bài - Chi nhánh Tổng công ty Cảng Hàng không Việt Nam - CTCP	3.259.318.541	2.830.856.799
- Công ty TNHH MTV Nhiên liệu Hàng không Việt Nam - Khu vực Miền bắc	499.590.000	649.560.000

### 30.2 THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty đã được kiểm toán và được điều chỉnh hồi tố do sai sót kế toán trong năm 2015.

Công ty đã điều chỉnh tăng khoản phải trả ngắn hạn khác căn cứ vào Biên bản làm việc giữa Tổng công ty Cảng Hàng không Việt Nam - CTCP với Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhiên liệu Hàng không Nội Bài tại ngày 15/01/2015 về việc bàn giao vật tư dự phòng của hệ thống tra nạp nhiên liệu tại Cảng hàng không quốc tế Nội Bài với số tiền là 6.957.526.538 đồng. Đồng thời, Công ty đã điều chỉnh tăng Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn tương ứng với số tiền là 6.325.024.125 đồng và Phải thu ngắn hạn khác tương ứng với số tiền là 632.502.413 đồng. Theo đó, một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015 và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được điều chỉnh hồi tố như sau:

30. THÔNG TIN KHÁC (Tiếp)

30.2 THÔNG TIN SO SÁNH (Tiếp)

**CÁC CHỈ TIÊU TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Chỉ tiêu	Mã số	Trình bày lại Tại 01/01/2016	Số trên Báo cáo kiểm toán tại 31/12/2015	Số điều chỉnh Tăng (+)/ Giảm (-)
<b>TÀI SẢN</b>				
Phải thu ngắn hạn khác	136	1.501.502.413	869.000.000	632.502.413
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	6.325.024.125	-	6.325.024.125
<b>NGUỒN VỐN</b>				
Phải trả ngắn hạn khác	319	6.990.822.433	33.295.895	6.957.526.538

**CÁC CHỈ TIÊU TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Chỉ tiêu	Mã số	Trình bày lại Năm 2016	Số trên Báo cáo kiểm toán Năm 2015	Số điều chỉnh Tăng (+)/ Giảm (-)
Giảm các khoản phải thu	09	(382.044.816)	250.457.597	(632.502.413)
Tăng hàng tồn kho	10	(6.448.044.396)	(123.020.271)	(6.325.024.125)
Tăng/ Giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	2.704.545.697	(4.252.980.841)	6.957.526.538



**Nghiêm Mạnh Tuấn**  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2017

**Nguyễn Công Thành**  
Kế toán trưởng

**Đào Thị Xuân**  
Người lập